

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 688/2017/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ NGỌC G** Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **LƯƠNG VĂN S** Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Giá vàng để làm cơ sở tính án phí là 3.500.000 đồng/01 chỉ vàng 24kr (Vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương).

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị **TRẦN THỊ NGỌC G** Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh **LƯƠNG VĂN S** Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Trần Thị Ngọc G và anh Lương Văn S thỏa thuận thuận tình ly hôn do tình cảm không còn.

Con chung: Giao cháu Lương Trần Khả A, sinh ngày 17/12/2016 cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G hàng tháng 1.000.000

đồng đến khi con chung trưởng thành tròn 18 tuổi lao động được, thực hiện vào ngày 15 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 15/12/2017.

Nếu ngày 15 tây hàng tháng trùng với ngày nghỉ theo quy định tại Bộ luật lao động thì thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo của tháng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Anh S được quyền tới thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Tài sản chung: Anh S và chị G tự nguyện thỏa thuận, chia đôi 04 (bốn) chỉ vàng 24kr (Vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương), mỗi người nhận 02 (hai) chỉ vàng 24kr (Vàng thông thường lưu hành tại thị trường địa phương), thực hiện vào ngày 13/02/2018.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc G tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 175.000 đồng án phí chia tài sản chung được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 07547 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên chị phải nộp tiếp 25.000 đồng.

Anh Lương Văn S tự nguyện chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và 175.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung, tổng cộng là 325.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức Tây,
H. Cái Bè, T. Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc